Số: 6575/UBND-VP; 03/11/2026; 14:00:50 +07:00

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Nghị quyết số: 24/2026/QH16	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
Về việc thí điểm thực hiện chế định luật sư công

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, phạm vi thí điểm

1. Nghị quyết này quy định thí điểm thực hiện chế định luật sư công, gồm nguyên tắc hoạt động, tiêu chuẩn, phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ, việc sử dụng luật sư công và chế độ, chính sách đối với luật sư công.

2. Việc thí điểm chế định luật sư công được tổ chức và thực hiện tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ, Đồng Nai, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Khánh Hòa và Lâm Đồng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Luật sư công* là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước mà đại diện chủ sở hữu là cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư để thực hiện các công việc có tính chất pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. *Khu vực nhà nước* là các cơ quan, tổ chức trực thuộc Bộ, địa phương quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này, bao gồm: các cơ quan nhà nước; đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức do Nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động và doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của luật sư công

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam và chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân.

3. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công về hoạt động nghề nghiệp của mình.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm luật sư công thực hiện các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng ngoài khu vực nhà nước;

b) Tiết lộ thông tin liên quan đến vụ, việc hoặc công việc có tính chất pháp lý khác được giao khi không được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền;

c) Móc nối, giao dịch với người khác để làm trái quy định của pháp luật trong giải quyết vụ, việc, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Nhà nước;

d) Lợi dụng công việc, danh nghĩa luật sư công để trục lợi;

đ) Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của Luật Luật sư, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, doanh nghiệp.

2. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở hoạt động của luật sư công.

Điều 5. Tiêu chuẩn của luật sư công

1. Người muốn trở thành luật sư công phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước;

b) Có tư tưởng chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, liêm chính;

c) Có đủ tiêu chuẩn luật sư theo quy định của Luật Luật sư;

d) Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc thường xuyên, trực tiếp trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ, việc pháp lý phức tạp theo quy định của Chính phủ.

2. Chính phủ quy định việc tập sự hành nghề luật sư, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư và các tiêu chuẩn của luật sư công phù hợp với vị trí việc

làm của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước.

Điều 6. Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư cho người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này làm việc tại cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư:

a) Không đủ tiêu chuẩn của luật sư công theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này;

b) Người đang là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, thẩm tra viên ngành Toà án, kiểm tra viên ngành Kiểm sát, chấp hành viên;

c) Không thường trú tại Việt Nam;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Luật sư và không trái với Nghị quyết này.

3. Luật sư công bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Thôi làm luật sư công theo nguyện vọng hoặc theo đề nghị của cơ quan thực hiện thí điểm quản lý luật sư công;

c) Cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng ngoài khu vực nhà nước;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Luật Luật sư và không trái với Nghị quyết này;

đ) Hết thời gian thí điểm thực hiện chế định luật sư công theo Nghị quyết này mà Quốc hội quyết định không tiếp tục thực hiện chế định luật sư công, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết này.

4. Chính phủ quy định thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công.

Điều 7. Phạm vi công việc của luật sư công

1. Luật sư công thực hiện các công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước thuộc các cơ quan thực hiện thí điểm quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này, bao gồm:

a) Tư vấn, đại diện, tham gia tố tụng, giải quyết các vụ kiện, tranh chấp trong nước và quốc tế về đầu tư, thương mại, công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế,

hành chính, dân sự và tham gia quá trình thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Tư vấn pháp lý trong quá trình xây dựng, triển khai các dự án kinh tế - xã hội;

c) Tư vấn và tham gia giải quyết các vụ, việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài;

d) Các công việc có tính chất pháp lý khác.

2. Phạm vi công việc của luật sư công không bao gồm hoạt động trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và không trùng lặp với hoạt động của pháp chế của cơ quan, tổ chức.

3. Luật sư công thực hiện công việc quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước là luật sư công có trách nhiệm bố trí, phân công công việc bảo đảm để luật sư công hoàn thành công việc quy định tại khoản 1 Điều này và nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của luật sư công

1. Luật sư công có các quyền sau đây:

a) Có quyền của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước; được hưởng lương, chế độ đặc thù và các quyền của luật sư công theo quy định của Nghị quyết này, Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan mà không trái Nghị quyết này;

b) Phối hợp với luật sư khác để tham gia tố tụng hoặc bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của Nhà nước theo sự phân công của cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công;

c) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cho sao chép, cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ, việc mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang lưu giữ, quản lý để phục vụ cho công việc của luật sư công theo quy định của pháp luật;

d) Khi tham gia tố tụng và giải quyết các công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước, luật sư công có các quyền của luật sư theo quy định của pháp luật;

đ) Được bảo lưu ý kiến và từ chối thực hiện chỉ đạo trái pháp luật;

e) Được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại do rủi ro khách quan;

g) Được khen thưởng khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước hoặc có thành tích trong hoạt động nghề nghiệp;

h) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Luật sư công có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Quân đội nhân dân, sĩ quan Công an nhân dân, doanh nghiệp, Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn luật sư Việt Nam, Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan mà không trái Nghị quyết này;

b) Tham gia bồi dưỡng về luật sư công theo quy định của Chính phủ;

c) Tham gia tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư và được cấp Thẻ luật sư theo quy định;

d) Chấp hành việc bố trí, phân công thực hiện các công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước của cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công;

đ) Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Trung thực, khách quan khi bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước;

g) Chỉ được thực hiện các công việc có tính chất pháp lý tại khu vực nhà nước;

h) Giữ bí mật thông tin, tài liệu liên quan đến vụ, việc hoặc công việc có tính chất pháp lý khác được giao;

i) Báo cáo với cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công về tình hình xử lý vụ, việc do mình trực tiếp thực hiện;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Việc sử dụng luật sư công tại khu vực nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng luật sư công để thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này cử luật sư công làm việc tại cơ quan, tổ chức mình để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước.

Cơ quan, tổ chức trong phạm vi thí điểm theo Nghị quyết này có nhu cầu sử dụng luật sư công của cơ quan, tổ chức khác thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức có luật sư công cử hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công giới thiệu để cử luật sư công; người đứng đầu cơ quan, tổ chức được đề nghị cử luật sư công có quyền cử hoặc từ chối cử luật sư công.

2. Trường hợp phát sinh vụ, việc có tính chất pháp lý phức tạp mà đội ngũ luật sư công chưa đáp ứng được thì cơ quan thực hiện thí điểm có vụ, việc đó lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với tổ chức hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để cùng luật sư công giải quyết vụ, việc đó.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Chế độ, chính sách đối với luật sư công

1. Ngoài chế độ tiền lương theo quy định của pháp luật, luật sư công được hưởng hỗ trợ hằng tháng và các chế độ, chính sách khác tương tự như đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang có vị trí việc làm xây dựng pháp luật, pháp chế theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Trường hợp luật sư công được hưởng đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ hằng tháng thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

2. Luật sư công khi tham gia giải quyết vụ, việc có tính chất pháp lý được hưởng bồi dưỡng theo vụ, việc. Mức chi bồi dưỡng trả cho 01 buổi làm việc là 0,5 lần mức lương cơ sở.

3. Khoản hỗ trợ hằng tháng và bồi dưỡng theo vụ, việc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội. Thu nhập từ công việc của luật sư công theo quy định tại Nghị quyết này được miễn thuế thu nhập cá nhân và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

4. Luật sư công được Nhà nước chi trả các khoản phí liên quan đến gia nhập, duy trì tư cách thành viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư, được bảo đảm trang thiết bị, phương tiện làm việc để thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Chính phủ quy định cụ thể việc áp dụng khoản 1 Điều này đối với luật sư công là người làm việc trong doanh nghiệp nhà nước; quy định chi tiết về chế độ, chính sách, kinh phí bảo đảm cho hoạt động của luật sư công.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này áp dụng quy định của pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài, người có tài năng để tuyển dụng luật sư, chuyên gia, nhà khoa học, luật gia có kinh nghiệm vào làm việc tại cơ quan mình theo vị trí việc làm và thực hiện nhiệm vụ luật sư công.

2. Chính phủ ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật để thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn, tổ chức triển khai và tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và được thực hiện đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2028.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành mà vụ, việc do luật sư công đang thực hiện chưa kết thúc thì được tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc vụ, việc đó. Khi thực hiện vụ, việc, luật sư công có các quyền, nghĩa vụ và được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nghị quyết này.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn